TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2022/HNGĐ-ST
Ngày 09-8-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chu Thị Thanh Thủy;

2. Ông Bùi Thế Duy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 165/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Hồ Thị Thu H, sinh năm 1994; thường trú: Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh P; tạm trú: Số 66 khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Phạm Quỳnh T, sinh năm 1991; thường trú: Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh P; tạm trú: Số 66 khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 02 năm 2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hồ Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Thu H và anh Phạm Quỳnh T có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và

đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã A, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống ở thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Cuộc sống chung khá hạnh phúc, đến khoảng tháng 6/2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng, cãi vã. Anh T không tu chí làm ăn, phụ giúp gia đình. Anh chị nhiều lần tự hòa giải nhưng ngày càng căng thẳng, không thể hòa giải được và hiện nay đã ly thân. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Phạm Hồ Quỳnh N, sinh ngày 11/11/2016, hiện đang sống với chị H. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị H hiện làm nhân viên công ty, thu nhập khoảng 11 triệu đồng/ tháng. Anh T làm phụ hồ ở nhiều nơi, không rõ thu nhập.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Phạm Quỳnh T:* Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ anh T để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa vào ngày 03/8/2022, 09/8/2022 nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Anh T không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- *Kết quả xác minh ngày 19/4/2022 tại Hội liên hiệp phụ nữ phường An Bình thể hiện:* Hội liên hiệp phụ nữ phường không nhận được đơn đề nghị hòa giải quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T, đồng thời Hội cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn vợ chồng, vấn đề nuôi dạy con chung của hai anh chị. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Phạm Quỳnh T tham gia phiên tòa vào ngày 03/8/2022 và ngày 09/8/2022

nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn Hồ Thị Thu H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Thu H và anh Phạm Quỳnh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh P và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2015, quyển số 01/2015, ngày 12/11/2015 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị H trình bày lý do xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không thể hòa giải được; anh T không phụ giúp chị chăm sóc gia đình. Qúa trình tố tụng, Tòa án triệu tập anh T đến Tòa án để cung cấp bản tự khai, trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản bác đối với trình bày của chị H. Chị H cũng có đơn từ chối hòa giải. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn tình cảm để tiếp tục cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Thực tế chị H và anh T đã ly thân, vợ chồng không có sự chia sẻ lẫn nhau, cùng vun đắp xây dựng gia đình, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị H khai vợ chồng có 01 con chung là Phạm Hồ Quỳnh N, sinh ngày 11/11/2016, hiện nay con đang do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Qúa trình tố tụng anh T không có ý kiến, yêu cầu gì đối với việc nuôi dưỡng con chung. Việc chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là tự nguyện, bảo đảm cháu có môi trường sống, học tập ổn định; cháu là con gái cần sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ. Bên cạnh đó chị H cũng chứng minh được mức thu nhập ổn định để chăm sóc con. Do đó giao con chung cho chị Hồ Thị Thu H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình về trách nhiệm cấp dưỡng cho con của người cha/mẹ không trực tiếp nuôi con và phù hợp với chi phí nuôi con trung bình tại địa phương nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn, anh Phạm Quỳnh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[8] Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Chị Hồ Thị Thu H tự nguyện chịu 2.508.074 đồng, khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng chi phí chị H đã nộp tại Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các điều 180, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Thu H đối với anh Phạm Quỳnh T về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Thu H được ly hôn với anh Phạm Quỳnh T (Giấy chứng nhận kết hôn số số 21/2015, quyển số 01/2015, ngày 12/11/2015 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh P cấp).

- Về con chung: Anh Phạm Quỳnh T giao con chung là Phạm Hồ Quỳnh N, sinh ngày 11/11/2016 cho chị Hồ Thị Thu H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phạm Quỳnh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, chị Hồ Thị Thu H và anh Phạm Quỳnh T đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày chị Hồ Thị Thu H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Phạm Quỳnh T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh Phạm Quỳnh T phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Thị Thu H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0003599 ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An , tỉnh Bình Dương. Anh Phạm Quỳnh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Chị Hồ Thị Thu H tự nguyện chịu 2.508.074 (hai triệu năm trăm lẻ tám nghìn không trăm bảy mươi bốn) đồng, khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng chi phí chị H đã nộp tại Tòa án.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngân